

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		660.275.623.583	726.305.501.405
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	63.425.857.691	83.908.244.156
111	1. Tiền		25.425.857.691	30.908.244.156
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	53.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	35.000.000.000	45.000.000.000
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn		35.000.000.000	45.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		116.961.576.168	160.191.715.202
131	1. Phải thu khách hàng		109.918.473.977	152.242.553.154
132	2. Trả trước cho người bán	6	4.865.725.009	6.285.304.400
135	4. Các khoản phải thu khác	7	4.058.254.118	3.544.734.584
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.880.876.936)	(1.880.876.936)
140	IV. Hàng tồn kho	8	427.767.160.099	420.173.730.956
141	1. Hàng tồn kho		428.234.311.278	420.640.882.135
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(467.151.179)	(467.151.179)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.121.029.625	17.031.811.091
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.718.796.618	2.971.557.729
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.083.643.399	12.052.252.707
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.318.589.608	2.008.000.655
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		409.585.295.097	418.029.331.396
220	I. Tài sản cố định		402.540.837.410	410.119.090.570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	356.602.236.612	368.644.916.086
222	Nguyên giá		631.060.715.954	629.676.841.492
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(274.458.479.342)	(261.031.925.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	30.806.547.129	29.084.964.173
228	Nguyên giá		52.348.950.060	50.376.360.314
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.542.402.931)	(21.291.396.141)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	15.132.053.669	12.389.210.311
250	II. Khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	294.020.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác			294.020.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.044.457.687	7.616.220.826
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.300.394.010	4.872.157.149
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.553.663.677	2.553.663.677
268	3. Tài sản dài hạn khác		190.400.000	190.400.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.069.860.918.680	1.144.334.832.801

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		529.021.030.517	614.115.963.149
310	I. Nợ ngắn hạn		528.498.030.517	613.592.963.149
311	1. Vay ngắn hạn	15	244.429.413.936	292.690.478.278
312	2. Phải trả người bán		193.566.872.086	176.336.835.389
313	3. Người mua trả tiền trước		710.036.377	592.842.014
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.994.212.778	10.036.248.896
315	5. Phải trả người lao động		51.192.722.845	69.604.090.741
316	6. Chi phí phải trả	17	18.614.746.266	27.403.760.573
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	4.130.366.790	22.121.616.595
329	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	8.181.035.629	8.181.035.629
323	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		3.678.623.810	6.626.055.034
330	II. Nợ dài hạn		523.000.000	523.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		523.000.000	523.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn			
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		540.839.888.163	530.218.869.652
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	540.839.888.163	530.218.869.652
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		269.878.430.000	269.878.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.295.088.755	62.295.088.755
414	3. Cổ phiếu quỹ		(14.419.110.657)	(14.367.110.657)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		80.384.982.904	80.384.982.904
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		26.987.843.000	26.987.843.000
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		115.712.654.162	105.039.635.651
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.069.860.918.680	1.144.334.832.801

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ : Đô la Mỹ	1.778	232.564
Ngoại tệ : EUR		

Ghi chú : Các số ghi trong dấu () là số âm.

Q.TP KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



Nguyễn Duy Hưng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2013



Trần Thanh Văn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	362.306.201.933	342.359.723.080	362.306.201.933	342.359.723.080
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)		362.306.201.933	342.359.723.080	362.306.201.933	342.359.723.080
11	4. Giá vốn hàng bán		296.866.647.748	275.083.510.325	296.866.647.748	275.083.510.325
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		65.439.554.185	67.276.212.755	65.439.554.185	67.276.212.755
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.696.783.679	1.337.800.548	2.696.783.679	1.337.800.548
22	7. Chi phí tài chính	22	5.760.892.706	10.891.800.725	5.760.892.706	10.891.800.725
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.942.435.427	7.698.976.132	3.942.435.427	7.698.976.132
24	8. Chi phí bán hàng		40.927.704.935	33.718.053.120	40.927.704.935	33.718.053.120
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.314.320.773	7.451.341.599	7.314.320.773	7.451.341.599
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		14.133.419.450	16.552.817.859	14.133.419.450	16.552.817.859
31	11. Thu nhập khác	23	101.817.634	127.219.104	101.817.634	127.219.104
32	12. Chi phí khác	23	4.545.736	-	4.545.736	-
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		97.271.898	127.219.104	97.271.898	127.219.104
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		14.230.691.348	16.680.036.963	14.230.691.348	16.680.036.963
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	3.557.672.837	4.170.009.241	3.557.672.837	4.170.009.241
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		10.673.018.511	12.510.027.722	10.673.018.511	12.510.027.722
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		401	470	401	470

Q.TP KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Nguyễn Duy Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2013



Trần Thanh Văn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1.2013	Quý 1.2012
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế:		14.230.691.348	16.680.036.963
	2. Điều chỉnh cho các khoản:		19.951.595.908	18.521.120.493
02	- Khấu hao và khấu trừ		13.677.560.726	11.028.554.105
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi từ tiền gửi		2.331.599.755	(206.409.744)
06	- Lợi nhuận do thanh lý tài sản cố định		-	-
07	- Chi phí lãi vay		3.942.435.427	7.698.976.132
			34.182.287.256	35.201.157.456
08	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động			
09	- (Tăng), giảm các khoản phải thu		44.198.748.342	29.016.769.743
10	- (Tăng), giảm hàng tồn kho		(7.593.429.143)	54.178.531.221
11	- Tăng, (giảm) các khoản phải trả		(11.846.264.222)	(65.485.407.140)
12	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(175.475.750)	(23.178.959.507)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.454.124.085)	(7.698.976.132)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.687.674.918)	(3.749.919.865)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(528.940.831)	(2.453.652.412)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh		46.095.126.649	15.829.543.364
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	- Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1.368.200.967)	(4.235.961.810)
22	- Tiền thu từ t.ly, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		-	-
23	- Tiền chi gửi NH có kỳ hạn.		(10.000.000.000)	-
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.689.099.755	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		320.898.788	(4.235.961.810)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		195.711.185.295	287.101.231.472
34	- Tiền chi trả nợ gốc vay		(243.972.249.637)	(314.558.079.686)
35	- Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.637.347.560)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(66.898.411.902)	(27.456.848.214)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)		(20.482.386.465)	(15.863.266.660)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	83.908.244.156	51.468.872.190
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)		83.425.857.691	35.605.605.530

Q.TP KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Nguyễn Duy Hưng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

PIN AC QUY MIỀN NAM

Trần Thanh Văn

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày cấp</u>
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ mười	ngày 05 tháng 07 năm 2012
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ mười một	ngày 06 tháng 02 năm 2013

Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 69/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất pin, ắc quy; kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy, vật tư và thiết bị cho sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay Công ty chỉ đang hoạt động sản xuất và phân phối các loại pin và ắc quy.

Công ty có trụ sở chính tại 321 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 là 1.127 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.149).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Thông tin về thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 13 (gọi chung là "Nhóm Công ty") và các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty được lập theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất - kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v), có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa & vật kiến trúc	10 - 25 năm
Nhà xưởng & máy móc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	5 năm

3.7 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung sau :

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính khác.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc đề dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản phải đã thu hoặc sẽ thu được sau khi loại trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Tiền mặt	797.589.513	992.245.694
Tiền gửi ngân hàng	24.628.268.178	29.915.998.462

Công ty Cổ phần PinẮc Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	53.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>63.425.857.691</u>	<u>83.908.244.156</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Là các khoản gửi tiết kiệm với lãi suất từ 9% đến 12%/năm tại các ngân hàng thương mại như sau :

	31.03.2013	31.12.2012
Ngân hàng TMCP BIDV	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	10.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>35.000.000.000</u>	<u>45.000.000.000</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm trả trước để nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.03.2013	31.12.2012
Tiền lãi ngân hàng phải thu	3.455.000.000	2.812.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	463.807.485	468.209.325
Phải thu khác	139.446.633	264.025.259
TỔNG CỘNG	<u>4.058.254.118</u>	<u>3.544.734.584</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31.03.2013	31.12.2012
Nguyên vật liệu	195.639.841.681	187.223.919.316
Thành phẩm	108.779.172.528	96.185.552.135
Hàng đi đường	42.053.968.130	71.660.196.599
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.534.023.766	65.266.684.792
Hàng hóa	227.305.173	304.529.293
TỔNG CỘNG	<u>428.234.311.278</u>	<u>420.640.882.135</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(467.151.179)</u>	<u>(467.151.179)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>427.767.160.099</u>	<u>420.173.730.956</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ					
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Cộng</i>
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu kỳ	130.768.213.090	472.838.391.984	16.832.544.312	7.938.186.806	1.299.505.300	629.676.841.492
Mua trong kỳ	-	152.475.008	453.754.000	55.000.000	-	661.229.008
Đầu tư XDCB hoàn thành		525.000.000	-	219.090.909		744.090.909
Thanh lý				(21.445.455)		(21.445.455)
Số dư cuối kỳ	<u>130.768.213.090</u>	<u>473.515.866.992</u>	<u>17.286.298.312</u>	<u>8.190.832.260</u>	<u>1.299.505.300</u>	<u>631.060.715.954</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu kỳ	(35.394.381.097)	(209.768.733.775)	(9.375.996.278)	(6.201.571.569)	(291.242.687)	(261.031.925.406)
Khấu hao trong kỳ	(2.033.887.609)	(10.705.144.619)	(384.400.025)	(265.512.338)	(54.884.850)	(13.443.829.441)
Thanh lý				17.275.505		17.275.505
Số dư cuối kỳ	<u>(37.428.268.706)</u>	<u>(220.473.878.394)</u>	<u>(9.760.396.303)</u>	<u>(6.449.808.402)</u>	<u>(346.127.537)</u>	<u>(274.458.479.342)</u>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 31/12/2012	95.373.831.993	263.069.658.209	7.456.548.034	1.736.615.237	1.008.262.613	368.644.916.086
Vào ngày 31/03/2013	<u>93.339.944.384</u>	<u>253.041.988.598</u>	<u>7.525.902.009</u>	<u>1.741.023.858</u>	<u>953.377.763</u>	<u>356.602.236.612</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Cộng</i>
<u>Nguyên giá</u>			
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	3.082.658.258	50.376.360.314
Mua trong kỳ	-	1.972.589.746	1.972.589.746
Số dư cuối kỳ	<u>47.293.702.056</u>	<u>5.055.248.004</u>	<u>52.348.950.060</u>
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>			
Số dư đầu kỳ	(19.071.297.041)	(2.220.099.100)	(21.291.396.141)
Khấu hao trong kỳ	(135.840.219)	(115.166.571)	(251.006.790)
Số dư cuối kỳ	<u>(19.207.137.260)</u>	<u>(2.335.265.671)</u>	<u>(21.542.402.931)</u>
<u>Giá trị còn lại</u>			
Vào ngày 31/12/2012	28.222.405.015	862.559.158	29.084.964.173
Vào ngày 31/03/2013	<u>28.086.564.796</u>	<u>2.719.982.333</u>	<u>30.806.547.129</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Nhà máy Ác quy Pinaco Nhơn Trạch – Phần mở rộng	6.788.047.495	3.898.855.153
<i>Hệ thống máy móc, thiết bị</i>	6.408.277.495	3.675.605.153
<i>Nhà xưởng & vật kiến trúc</i>	379.770.000	223.250.000
<i>Khác</i>		
Nhà máy khác	8.344.006.174	8.490.355.158
<i>Máy móc thiết bị</i>	691.099.304	246.831.797
<i>Sửa chữa lớn dở dang</i>	7.168.092.615	8.182.351.361
<i>Khác</i>	<u>484.814.255</u>	<u>61.172.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.132.053.669</u>	<u>12.389.210.311</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Thuê văn phòng và nhà xưởng	1.804.579.092	708.599.222
Công cụ, dụng cụ	263.600.672	594.099.151
Phí quảng cáo	1.430.814.818	1.349.505.114
Khác	219.802.036	319.354.242
TỔNG CỘNG	<u>3.718.796.618</u>	<u>2.971.557.729</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Thiết bị và công cụ, dụng cụ	2.882.092.003	3.460.746.260
Phí quảng cáo		36.278.533
Khác	1.418.302.007	1.375.132.356
TỔNG CỘNG	<u>4.300.394.010</u>	<u>4.872.157.149</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty có một công ty con mà Công ty sở hữu 60% vốn điều lệ, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú, là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của công ty đặt tại số 445-449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính được cấp giấy phép của công ty này là kinh doanh bất động sản, và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty và cổ đông góp vốn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn chính thức vào công ty con này. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoản chi tạm ứng từ đối tác hợp tác đầu tư dự kiến trong tương lai nhằm trang trải các chi phí ban đầu phát sinh trong kỳ.

15. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Vay ngắn hạn	244.429.413.936	292.690.478.278
Nợ dài hạn đến hạn phải trả		
TỔNG CỘNG	<u>244.429.413.936</u>	<u>292.690.478.278</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

15. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau :

	Số ngày 31.03.2013			Kỳ hạn trả	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	Đô la Mỹ	EUR			
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	3.351.130.361	160.957,27		17/04/2013 – 15/05/2013	3.50% - 4.50%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	54.789.432.290 54.208.548.170	2.620.033,88		12/04/2013 – 29/05/2013 31/03/2013 – 29/07/2013	3.40% - 5,00%/năm 7.90%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	20.300.886.375	976.856,20		03/04/2013 – 20/06/2013	3.70%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	45.808.641.746	2.199.420,00		13/04/2011 – 17/04/2013	6,00% - 6,50%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	57.191.257.176 8.779.517.818	2.738.736,49		14/04/2013 – 29/07/2013 06/06/2013	3.30%/năm 8,2%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	244.429.413.936	8.696.003,84				

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG.
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	3.388.171.277	8.518.173.358
Thuế thu nhập cá nhân	228.315.334	457.082.239
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	256.953.947	1.059.763.339
Thuế nhập khẩu	119.717.220	
Các khoản khác	<u>1.055.000</u>	<u>1.229.960</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.994.212.778</u>	<u>10.036.248.896</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Hoa hồng và chiết khấu phải trả cho các đại lý	18.126.434.924	25.651.630.874
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí lãi vay	488.311.342	468.358.037
Chi phí phải trả khác		<u>1.283.771.662</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.614.746.266</u>	<u>27.403.760.573</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	31.03.2013	31.12.2012
Kinh phí công đoàn	3.498.047.960	2.915.610.111
Bảo hiểm xã hội	149.518.719	85.809.673
Tài sản thừa chờ xử lý	468.947.619	468.947.619
Bảo hiểm thất nghiệp	(49.140)	
Cổ tức phải trả		18.638.431.700
Khác	<u>13.901.632</u>	<u>12.817.492</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.130.366.790</u>	<u>22.121.616.595</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành của sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

								VNĐ
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu kỳ	269.878.430.000	62.295.088.750	-14.367.110.657	-	77.177.527.175	25.161.897.230	129.555.193.923	549.701.026.426
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	64.149.114.584	64.149.114.584
Chi trả cổ tức								
- Trích trước chia cổ tức (T1.2013)	-	-	-	-	-	-	(18.638.431.700)	(18.638.431.700)
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(58.577.928.200)	(58.577.928.200)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	3.207.455.729	1.825.945.770	(5.033.401.499)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.414.911.458)	(6.414.911.458)
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	-14.367.110.657	-	80.384.982.904	26.987.843.000	105.039.635.650	530.218.869.652
Năm nay								
Số đầu kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	-14.367.110.657	-	80.384.982.904	26.987.843.000	105.039.635.650	530.218.869.652
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	10.673.018.511	10.673.018.511
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	-14.419.110.657	-	80.384.982.904	26.987.843.000	115.712.654.162	540.839.888.163

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 Việt Nam đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Vốn cổ phần đã phát hành

	31.03.2013		31.12.2012	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ nắm giữ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.028	266.250.280.000	26.626.331	266.263.310.000

20.3 Cổ tức

	VNĐ
	Kỳ này
Cổ tức chi trả trong năm	
- Cổ tức đợt 2 năm 2012 : 700 đồng/cp, chi trả bằng tiền mặt.	18.638.431.700

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu bán hàng	362.306.201.933	342.359.723.080
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán trả lại		
Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	362.306.201.933	342.359.723.080

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.401.125.749	206.409.744
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	262.634.730	1.131.390.804
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Khác	33.023.200	
TỔNG CỘNG	<u>2.696.783.679</u>	<u>1.337.800.548</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	3.942.435.427	7.698.976.132
Chiết khấu thanh toán		138.052.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.818.457.279	3.054.771.807
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
TỔNG CỘNG	<u>5.760.892.706</u>	<u>10.891.800.725</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	101.817.634	127.219.104
Thu bán phế liệu	101.817.634	94.914.942
Thu thanh lý tài sản		
Thu nhập khác		32.304.162
Chi phí khác	4.545.736	
Giá vốn của bán phế liệu		
Thuế GTGT không được khấu trừ		
Chi phí khác	4.545.736	
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>97.271.898</u>	<u>127.219.104</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Nguyên vật liệu trong chi phí SX	259.740.685.119	180.333.449.857
Chi phí nhân công trong chi phí SX	29.121.892.464	27.409.648.441
Chi phí khấu hao	13.677.560.726	11.028.554.105
Chi phí DV mua ngoài	15.908.825.876	14.021.204.230
Chi phí khác	44.564.679.148	32.866.736.177
TỔNG CỘNG	<u>363.030.918.838</u>	<u>265.659.592.810</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

	Kỳ nay			VNĐ Kỳ trước
	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động khác	Tổng cộng	
Lợi nhuận thuần trước thuế	14.133.419.450	97.271.898	14.230.691.348	16.680.036.963
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán	-	-	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	14.133.419.450	97.271.898	14.230.691.348	16.680.036.963
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	3.533.354.863	24.317.975	3.557.672.837	4.170.009.241
Thuế TNDN phải trả đầu năm			8.518.173.358	3.749.919.865
Thuế TNDN trả trong năm			8.687.674.918	3.749.919.865
Thuế TNDN phải trả cuối năm			3.388.171.277	4.170.009.241

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	68.415.600
Công ty TNHH MTV Cơ Bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	3.463.755.240

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu, phải trả bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VND</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ký quỹ để mua nguyên vật liệu	30.000.000
Phải trả khách hàng			
Công ty TNHH MTV Cơ Bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua vật tư	1.285.230.320
Công ty Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua vật tư	38.992.800

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý.

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Q1/2013 VND	Q1/2012 VND	Q1/2013 VND	Q1/2012 VND	Q1/2013 VND	Q1/2012 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	290.257.760.042	261.050.018.636	72.048.441.891	81.309.704.444	362.306.201.933	342.359.723.080
Tài sản của bộ phận	1.069.860.918.680	1.090.976.600.659	-	-	1.069.860.918.680	1.090.976.600.659
Chi tiêu vốn	1.368.200.967	4.235.961.810	-	-	1.368.200.967	4.235.961.810

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

28. CÁC CAM KẾT

*** CAM KẾT VỐN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng phục vụ mở rộng sản xuất đáp ứng thị trường với số tiền là 19.367.826.201 VNĐ, bao gồm :

	31.03.2013	31.12.2012
		VNĐ
Máy móc và thiết bị	14.700.932.859	2.442.443.467
Nhà cửa và vật kiến trúc	864.238.642	2.044.527.912
Hệ thống điện	2.379.173.200	91.239.107
Dây chuyền sản xuất chi		
Khác	1.423.481.500	1.286.030.000
TỔNG CỘNG	19.367.826.201	5.864.240.486

• HỢP ĐỒNG THUÊ

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau :

	31.03.2013	31.12.2012
Trong vòng một năm	1.439.483.000	1.904.090.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.784.304.000	3.897.104.000
Sau năm năm	468.811.000	669.730.000
TỔNG CỘNG	5.692.598.000	6.470.924.000



Nguyễn Duy Hưng
Q.TP Kế Toán Tài Chính




Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2013